

Kinh nghiệm trong nước về phát triển các khu công nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững và bài học đối với Hà Nội

Nguyễn Đình Hòa^(*)

Tóm tắt: Khu công nghiệp có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Các khu công nghiệp ở Hà Nội có nhiều đóng góp có giá trị vào phát triển kinh tế - xã hội của thành phố song cũng đặt ra các thách thức đối với phát triển bền vững. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm của một số khu công nghiệp trong nước về phát triển khu công nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững dưới các góc độ bền vững về kinh tế, tiếp cận mô hình kinh tế tuần hoàn để bền vững về môi trường, phát triển nhà ở cho công nhân để bền vững về xã hội, từ đó rút ra bài học, gợi ý chính sách đối với Hà Nội.

Từ khóa: Khu công nghiệp, Phát triển bền vững, Hà Nội

Abstract: Industrial zones are crucial to socio-economic development. Studying the case of Hanoi City, while making valuable socio-economic contributions, industrial zones pose challenges to sustainable development. The article examines several industrial zones in Vietnam in terms of efficiency and sustainability, including economic sustainability, approaching to the circular economic model to sustain the environment, as well as housing development for workers to ensure social sustainability. Thereby, it draws some policy implications for Hanoi City.

Keywords: Industrial Zone, Sustainable Development, Hanoi City

Đặt vấn đề

Khu công nghiệp (KCN) có những đóng góp quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội như: Thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) (UNCTAD, 2019); Thúc đẩy xuất khẩu, hội nhập kinh tế quốc tế (Nguyễn Thị Thu Thủy, 2018); Tạo việc làm cho lao động và góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực (Trịnh Văn Thiện, 2017); Góp phần

chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy đô thị hóa, làm cho quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh hơn.

Phát triển KCN theo hướng hiệu quả, bền vững là chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và cho đến nay có khá nhiều cách tiếp cận. Nhìn chung, các nghiên cứu bàn về KCN theo hướng bền vững thường đề cập đến bền vững về các trụ cột *kinh tế, xã hội, môi trường* và tương ứng với mỗi trụ cột là các tiêu chí cũng như các chỉ tiêu, chỉ báo để đánh giá. Phát triển KCN bền vững về kinh tế thể hiện qua thu hút đầu tư vào KCN. Tiêu chí để đánh giá

^(*) TS., Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: nguyendinhhoaktpt@gmail.com

thu hút đầu tư vào phát triển KCN thể hiện qua số lượng, quy mô các dự án đầu tư, ngành nghề thu hút đầu tư và đóng góp vào thu hút các nhà đầu tư thứ cấp (Trịnh Văn Thiện, 2017; Vũ Thanh Hương, 2010). Đây cũng là tiêu chí để xem xét sự thành công hay thất bại của một KCN. Phát triển KCN bền vững về xã hội thể hiện ở giải quyết những vấn đề về đời sống vật chất (nhà ở) và đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động trong các KCN (Nguyễn Thị Thu Thủy, 2018; Vũ Thanh Hương, 2010). Phát triển KCN bền vững về môi trường bao gồm các tiêu chí đánh giá việc xử lý nước thải và chất thải rắn của các KCN nhằm đảm bảo các chỉ tiêu môi trường theo quy định (Trịnh Văn Thiện, 2017).

Tuy nhiên, hoạt động của các KCN cũng đặt ra không ít thách thức đối với phát triển bền vững trên các phương diện kinh tế, xã hội và môi trường. Những vấn đề này đối với Hà Nội không phải là ngoại lệ. Hà Nội là thủ đô, trung tâm chính trị và văn hóa của cả nước. Về phương diện kinh tế, Hà Nội là một trong những đầu tàu kinh tế quan trọng của cả nước và là cực tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc bộ. Các hoạt động kinh tế nói chung và phát triển các KCN hiệu quả, bền vững nói riêng có vai trò quan trọng và góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Do vậy, nghiên cứu kinh nghiệm trong nước về phát triển KCN theo hướng hiệu quả, bền vững và rút ra bài học, gợi ý chính sách đối với Hà Nội là cần thiết.

1. Kinh nghiệm trong nước về phát triển các khu công nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững

Tại Việt Nam, có khá nhiều hình thức KCN - nơi phục vụ cho sản xuất công nghiệp. Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý KCN và khu kinh tế (KKT) đề cập đến các loại hình như: KCN (bao gồm: khu chế xuất, KCN hỗ trợ, KCN sinh thái); KKT

(gồm các loại hình: KKT ven biển, KKT cửa khẩu). KCN và KKT khác nhau về quy mô và chức năng, KKT có các phân khu chức năng và bao gồm trong đó cả KCN. Bài viết đề cập đến KCN, còn các KKT chỉ đề cập ở phạm vi phân khu phục vụ sản xuất công nghiệp.

1.1. Kinh nghiệm trong việc phát triển khu công nghiệp bền vững về kinh tế

Sự bền vững của KCN trước hết thể hiện ở việc thu hút đầu tư nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu ngân sách, giải quyết việc làm cho người lao động. Hai KKT Dung Quất và KKT Chu Lai đều ở miền Trung và gần nhau nhưng bức tranh thu hút đầu tư có kết quả khác nhau. Kinh nghiệm từ các KKT này là bài học hữu ích đối với Hà Nội.

**** KKT Dung Quất - bài học thành công bước đầu***

KKT Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi) được đánh giá là một trong những KKT tiên phong và thành công trong cả nước. Ở đây có các cơ sở công nghiệp lớn đang hoạt động như: tổ hợp lọc hóa dầu, nhà máy đóng tàu, cảng nước sâu. Ngoài Lọc dầu Dung Quất, hiện tại còn có một số dự án FDI lớn như DoosanVina, KCN VSIP Quảng Ngãi, Thép Quang Lian,... Đặc biệt, việc triển khai và đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số dự án tại KCN - Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi đã góp phần tạo nên diện mạo mới và sự sôi động của KKT Dung Quất. Tỉnh Quảng Ngãi cũng đặt kỳ vọng vào Dự án Nhiệt điện Dung Quất, do Tập đoàn Semcorp (Singapore) đầu tư, quy mô 1.200 MW, với vốn đầu tư khoảng 2 tỷ USD. Tập đoàn Exxon Mobil xúc tiến kế hoạch đầu tư một cụm khí - điện với vốn đầu tư lên tới 20 tỷ USD (Ban Quản lý KKT Dung Quất, 2015). Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất (thuộc Tập đoàn Hòa Phát) đề xuất đầu tư hàng loạt dự án tại KKT Dung Quất để trở thành khu liên hợp sản xuất gang thép và

các sản phẩm sau thép có giá trị gia tăng cao (Minh Hoàng, 2021).

Sự thành công của KKT Dung Quất có thể thấy ở việc thu hút đầu tư và các tác động lan tỏa đối với phát triển kinh tế (từ nhà máy lọc hóa dầu, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp), đặc biệt trong việc phát triển đồng bộ kinh tế (thu hút các nhà đầu tư) với phát triển dân cư gắn với đô thị (Khu đô thị VSIP).

** KKT mở Chu Lai - chưa thành công như kỳ vọng*

KKT mở Chu Lai là mô hình KKT mở đầu tiên của Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, theo quy hoạch tổng thể có các khu chức năng chính như: Khu phi thuế quan 1.700 ha, các KCN 3.000 ha, các khu du lịch 2.100 ha và các khu đô thị khoảng 10.000 ha¹.

Về thể chế, theo quy định, KKT mở Chu Lai được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư như đối với các dự án đầu tư vào khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ngoài ra ở đây còn có Khu thương mại tự do Chu Lai². UBND tỉnh Quảng Nam cũng đã ban hành nhiều cơ chế khuyến khích đầu tư vào KKT mở Chu Lai với việc hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đào tạo lao động và xây dựng chung cư cho công nhân; ban hành quy chế thưởng vận động đầu tư vào KKT mở Chu Lai; quyết định phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý KKT mở Chu Lai trực tiếp thực hiện phần lớn các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư;...

KKT mở Chu Lai mặc dù được xác định là KKT mở với nhiều chính sách ưu đãi nhưng nhìn chung chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, chưa trở thành khu vực phát triển và

tạo ra động lực cho cả vùng. Trong thời gian dài, KKT mở Chu Lai vẫn chưa có dự án động lực làm đòn bẩy kích thích các dự án khác cùng triển khai (như mô hình Nhà máy lọc dầu của KKT Dung Quất, Nhà máy thép tại KKT Vũng Áng). Đến nay, tỉnh Quảng Nam đã chính thức xác định ngành công nghiệp cơ khí ô tô là ngành công nghiệp ưu tiên phát triển tại KKT mở Chu Lai, và dự án Trung tâm sản xuất, lắp ráp ô tô là dự án động lực của KKT này. Tuy nhiên, ngành công nghiệp cơ khí ô tô tại Việt Nam chủ yếu là gia công, lắp ráp; công nghiệp phụ trợ đối với sản xuất ô tô đang yếu và thiếu. Hiện nay, KKT mở Chu Lai thực chất chỉ là một KCN quy mô lớn.

** Một số so sánh và bài học rút ra từ KKT Dung Quất và KKT mở Chu Lai*

Khu KKT mở Chu Lai là KKT đầu tiên của cả nước, được thành lập sớm hơn nhưng thu hút đầu tư khiêm tốn hơn rất nhiều so với KKT Dung Quất. Lũy kế từ khi thành lập đến năm 2021, KKT Dung Quất thu hút tổng vốn đầu tư 375 nghìn tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt 1,25 tỷ USD; giải quyết việc làm cho hơn 40 nghìn lao động. Trong khi đó, các con số tương ứng của KKT mở Chu Lai chỉ là 120,6 nghìn tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt 717 triệu USD và 25 nghìn lao động (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021). Các số liệu này cho thấy, dường như KKT Dung Quất thành công hơn so với KKT mở Chu Lai.

Những kết quả bước đầu đối với KKT Dung Quất là do có sự đóng góp của nhiều yếu tố, trong đó đáng chú ý là vai trò của bộ máy chính quyền tỉnh Quảng Ngãi trong cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư bằng những cam kết cụ thể, chẳng hạn đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng. Ban Quản lý luôn nỗ lực đẩy mạnh công tác xúc tiến, quản lý, hỗ trợ các nhà đầu tư.

¹ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 43/2004/QĐ-TTg ngày 23/3/2004.

² Theo Quyết định số 185/2007/QĐ-TTg ngày 03/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc KKT mở Chu Lai chưa thành công như kỳ vọng trước hết là do vẫn chưa đảm bảo có được sự tham gia của nhà đầu tư chiến lược, nhất là nhà đầu tư nước ngoài. Cơ chế ưu đãi đầu tư chưa thực sự hấp dẫn và thông thoáng để thu hút các nhà đầu tư chiến lược. Cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư dành cho KKT mở Chu Lai chỉ được áp dụng những điểm cao nhất của pháp luật Việt Nam về ưu đãi đầu tư như đối với khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ngoài ra, mặc dù KKT mở Chu Lai được xác định là khu thương mại tự do nhưng cơ chế chính sách không có gì đặc biệt nên không hấp dẫn được các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư lớn. Việc tập trung gần như toàn bộ nỗ lực cho mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài đã dẫn đến hậu quả là ít tập trung đến khu vực tư nhân trong nước. Những khía cạnh để Chu Lai thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành chế tạo và công nghiệp nhẹ chủ yếu nằm ở vị trí địa lý của nó và các khuyến khích đầu tư, chứ không phải môi trường pháp lý.

1.2. Kinh nghiệm về phát triển khu công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm góp phần giải quyết các vấn đề môi trường

Trong sản xuất công nghiệp tại KCN, kinh tế tuần hoàn là các hoạt động nhằm tối ưu hóa sự tồn tại của vật chất, xem xét 4 yếu tố: i) cơ sở hạ tầng dùng chung (nhằm tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên); ii) sử dụng các đầu vào (nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng,...) trong quá trình sản xuất; iii) quản lý và sử dụng, tái chế các chất thải; iv) cộng sinh trong KCN. Trong số này, hoạt động cộng sinh công nghiệp được coi là then chốt trong việc ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong KCN.

Tại Việt Nam, không ít vấn đề về môi trường đang đặt ra do hoạt động của các doanh nghiệp trong các KCN. Tuy vậy, cho đến nay, việc ứng dụng kinh tế tuần hoàn tại các KCN vẫn còn khá hạn chế cả về

số lượng cũng như hiệu quả áp dụng. Các KCN Quế Võ (tỉnh Bắc Ninh), Nam Cầu Kiền (thành phố Hải Phòng) là số ít các KCN bước đầu áp dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất công nghiệp.

**** KCN Quế Võ***

Đây là một trong những KCN lớn nhất và quan trọng hàng đầu của tỉnh Bắc Ninh cũng như vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ. Ứng dụng và cách tổ chức mô hình kinh tế tuần hoàn trong KCN Quế Võ bao gồm các nội dung sau (Nguyễn Thị Thục, 2021):

- Xây dựng hệ thống hạ tầng dùng chung cho cả cộng đồng các doanh nghiệp hoạt động bên trong, bao gồm hệ thống đường giao thông, nhà máy cấp nước, nhà máy xử lý nước thải, trạm điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cứu hỏa, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, đất cây xanh,... Cách tổ chức này giúp tiết kiệm các nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng và góp phần quản lý tập trung.

- Các chất thải tùy từng chủng loại để có cách thức xử lý phù hợp theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Nước thải được thu gom, xử lý để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, vệ sinh công nhân, nhà xưởng, chăm sóc khuôn viên,... Các chất thải rắn được phân loại để xử lý như: i) chất thải sinh hoạt được thu gom hằng ngày phục vụ tái chế và chế biến phân hữu cơ; ii) chất thải sản xuất được phân loại riêng để tái chế, tái sử dụng một phần bởi chính doanh nghiệp và bán cho các đơn vị thu mua, tái chế phế liệu; iii) các chất thải rắn nguy hại được tập kết để thuê các doanh nghiệp dịch vụ môi trường thu gom, xử lý.

- Cộng sinh công nghiệp theo hình thức liên kết dựa trên chính phẩm, phụ phẩm giữa các doanh nghiệp trong cùng nhóm ngành nghề. Việc này được thực hiện giữa nhóm các doanh nghiệp điện, điện tử mà trung tâm là các doanh nghiệp lớn như Canon, Foxcon, M&C, Funning,... và các doanh nghiệp cung cấp công nghiệp phụ trợ.

** KCN Nam Cầu Kiền*

Việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn đối với các chất thải tại KCN Nam Cầu Kiền khá tương đồng với KCN Quế Võ, cũng theo hình thức liên kết theo các nhóm ngành, bao gồm: ngành luyện kim, cơ khí; ngành điện tử và phụ trợ điện tử; ngành sản xuất nhựa và các sản phẩm từ nhựa. Các nhóm cộng sinh này đã sử dụng tối đa các sản phẩm dễ tái sử dụng, vật liệu tái tạo theo hướng chất thải của doanh nghiệp này là đầu vào của doanh nghiệp khác (Hoàng Xuân Cơ, 2021).

** Một số nhận xét, bài học từ hai KCN Quế Võ và Nam Cầu Kiền*

Thứ nhất, nghiên cứu cho thấy việc áp dụng kinh tế tuần hoàn vào sản xuất công nghiệp tại KCN phụ thuộc vào mô hình phát triển KCN. Điểm chung của các KCN Quế Võ và Nam Cầu Kiền là bên trong có các ngành nghề có liên quan, liên kết với nhau ở những mức độ nhất định. Liên kết các nhóm ngành nghề với nhau tạo thành một hệ sinh thái doanh nghiệp cộng sinh. *Thứ hai*, có chính sách hỗ trợ của địa phương, tại KCN Quế Võ đã xây dựng hệ thống “KCN hỗ trợ Việt Nam - Nhật Bản”. *Thứ ba*, sản xuất công nghiệp tại KCN cần có các sản phẩm có khả năng tái sử dụng, tái chế để chất thải của doanh nghiệp này là đầu vào của doanh nghiệp khác, chẳng hạn như tại KCN Nam Cầu Kiền.

1.3. Kinh nghiệm phát triển khu công nghiệp bền vững về xã hội: Bài học của tỉnh Bình Dương trong việc giải quyết vấn đề đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho công nhân tại các khu công nghiệp

Tỉnh Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam - khu vực kinh tế sôi động nhất cả nước. Trên địa bàn tỉnh có 28 KCN đang hoạt động. Với đặc thù là tỉnh phát triển công nghiệp, Bình Dương thu hút lượng lớn lao động từ các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Chính vì

vậy, vấn đề khó khăn về nhà ở cho công nhân, lao động trong các KCN luôn được quan tâm. Tỉnh Bình Dương là điểm sáng của cả nước trong phát triển nhà ở cho công nhân lao động, đặc biệt là nhà ở cho công nhân tại các KCN. Cụ thể là, từ năm 2011-2020, diện tích nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân đạt hơn 1,7 triệu m², trong đó: giai đoạn 2011-2015 đạt 431.488 m², đáp ứng nhu cầu nhà ở cho 37.500 người; giai đoạn 2016-2020 là 1,33 triệu m², góp phần giải quyết nhu cầu về nhà ở cho gần 1,5 triệu người lao động (Phương Chi, 2021). Đáng chú ý là các mô hình nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại tỉnh Bình Dương thường có các công trình phụ trợ, không gian cho các hoạt động thể dục thể thao, các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Điều này phần nào đóng góp vào hoạt động thể thao, văn hóa tinh thần cho lao động trong các KCN.

Kinh nghiệm của Bình Dương về phát triển nhà ở cho công nhân nói chung, lao động trong các KCN nói riêng trên địa bàn tỉnh đáng chú ý với một số nét chính sau: *Thứ nhất*, tỉnh Bình Dương chú trọng đẩy mạnh tăng nguồn cung về diện tích nhà ở, trong giai đoạn 2015-2020, bình quân mỗi năm diện tích nhà ở tăng 1.528 nghìn m²; tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở đến năm 2020 đạt khoảng 77,1 triệu m², diện tích nhà ở bình quân đạt 30,3 m²/người (Tổng cục Thống kê, 2021). Điểm đáng chú ý và khác biệt so với nhiều địa phương khác là, nguồn cung nhà ở trên địa bàn tỉnh Bình Dương tập trung vào phân khúc nhà ở xã hội, nhà ở dành cho người có thu nhập thấp; trong khi các tỉnh tập trung vào nhà ở thương mại, căn hộ cao cấp. *Thứ hai*, trên địa bàn tỉnh Bình Dương, phát triển công nghiệp nói chung và KCN nói riêng gắn liền với đô thị hóa; hình thành khu, cụm công nghiệp gắn với phát triển nhà ở, hình thành khu vực đô thị. *Thứ ba*, tỉnh Bình Dương thực hiện mô hình chung cư nhà ở an sinh xã

hội Becamex với giá bán ưu đãi phù hợp với thu nhập của người lao động, kết hợp với các hình thức cho vay mua nhà với mức giá từ 100 triệu đến 200 triệu đồng/căn hộ (diện tích 30 m²). Mô hình này tạo điều kiện cho công nhân lao động dễ tiếp cận với nhà ở xã hội.

2. Một số vấn đề trong phát triển các KCN ở Hà Nội và gợi ý chính sách đối với Hà Nội nhằm phát triển các khu công nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững

2.1. Những vấn đề đặt ra đối với các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội

Trên địa bàn Hà Nội hiện nay có 1 Khu công nghệ cao Hòa Lạc do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý; UBND thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý 18 KCN, khu công nghệ cao, bao gồm: 9 KCN đang hoạt động; 4 KCN đang trong giai đoạn triển khai xây dựng; 5 KCN có trong danh mục quy hoạch phát triển các KCN của cả nước. UBND thành phố Hà Nội đang kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép trực tiếp quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc. Theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, thành phố Hà Nội sẽ có 33 KCN, khu công nghệ cao (Ban Quản lý các KCN và chế xuất Hà Nội, 2021).

Các KCN và khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội đã có những đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Các KCN đang hoạt động gần như đã lấp đầy diện tích đất có khả năng cho thuê. Các KCN của Hà Nội đã thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư, trong giai đoạn 2016-2020 đã thu hút được 1.308 nghìn tỷ đồng với mức tăng trung bình 11%/năm, thu hút FDI đạt 23,703 tỷ USD (gấp 3,97 lần so với giai đoạn 2011-2015) (Ban Quản lý các KCN và chế xuất Hà Nội, 2021). Tuy nhiên, thu hút vốn đầu tư vào các KCN của Hà Nội vẫn còn khá khiêm tốn so với tiềm năng, lợi thế. Thậm chí, có KCN vẫn chưa

thu hút được đầu tư, chẳng hạn như KCN phụ trợ Nam Hà Nội về cơ bản đã đầu tư xây dựng xong hạ tầng nhưng chưa thu hút được dự án đầu tư. Đáng chú ý là, các KCN tại Hà Nội hầu như chưa có nhà đầu tư lớn để tạo ra đột phá lớn đối với kinh tế của thành phố.

Điều đáng quan tâm hiện nay là vấn đề môi trường tại các KCN ở Hà Nội. Toàn bộ các KCN trên địa bàn thành phố Hà Nội chưa có khu vực lưu giữ tạm thời chất thải rắn, chất thải nguy hại từ các doanh nghiệp trong các KCN theo quy định của pháp luật.

Vấn đề tiếp theo là đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động của các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN. Các KCN trên địa bàn Hà Nội thu hút số lượng lớn lao động từ các tỉnh, thành phố khác trong cả nước đang đặt ra những thách thức về nhà ở và các dịch vụ xã hội cơ bản. Trong số 9 KCN đang hoạt động tại Hà Nội, mới chỉ có 3 KCN (Thạch Thất - Quốc Oai, Thăng Long, Phú Nghĩa) có dự án nhà ở đáp ứng một phần nhu cầu của công nhân. Điều này có nghĩa là phần lớn các KCN ở Hà Nội vẫn chưa có nhà ở cho công nhân. Nhiều lao động của các KCN vẫn phải sống trong các nhà trọ, thiếu các điều kiện sống tối thiểu, đời sống văn hóa tinh thần thiếu thốn trên nhiều lĩnh vực. Hà Nội hiện mới chỉ có 3 KCN có điểm sinh hoạt văn hóa, còn lại đều thiếu nhà văn hóa để đáp ứng được nhu cầu vui chơi, giải trí cho 160 nghìn công nhân của các doanh nghiệp trong các KCN. Chẳng hạn, KCN Bắc Thăng Long có gần 5 vạn lao động tạm cư, ngoài giờ làm việc, hầu hết công nhân không tham gia hoạt động văn hóa tinh thần. Hay tại KCN Sài Đồng, công nhân thiếu các phương tiện nghe/nhìn; không đọc sách, báo; không tập thể dục, thể thao thường xuyên; không tham gia vào các hoạt động văn nghệ quần chúng (Ban Quản lý các KCN và chế xuất Hà Nội, 2021).

Những vấn đề về kinh tế, xã hội và môi trường đối với các KCN trên địa bàn Hà Nội đặt ra các thách thức đối với phát triển bền vững không chỉ cho chính bản thân các KCN mà còn đối với phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2.2. Một số gợi ý chính sách đối với Hà Nội

Thứ nhất, những hạn chế, yếu kém trong việc thu hút đầu tư vào các KCN trên địa bàn Hà Nội là do nhiều yếu tố, song trước hết là do môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh dù có nhiều lợi thế và đã có nhiều nỗ lực cải thiện nhưng vẫn chưa hấp dẫn, vượt trội so với một số tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Số liệu về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cho thấy, trong giai đoạn 2010-2020, thành phố Hà Nội chỉ xếp ngoài top 5, năm 2020 đứng thứ 9 trong số 63 tỉnh, thành phố. Theo đó, Hà Nội phải tiếp tục nỗ lực hơn nữa để đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh nhằm thu hút đầu tư, nhất là những nhà đầu tư chiến lược có khả năng tạo đột phá.

Thứ hai, Hà Nội cần có các đột phá về thể chế và vượt trội so với các tỉnh, thành phố khác để thu hút đầu tư, nhất là thu hút những ngành công nghệ cao. Hiện nay, hầu hết các KCN trên địa bàn cả nước đã áp dụng tối đa các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Xét trên nhiều phương diện, các ưu đãi về tài chính không bền vững và chỉ có ý nghĩa đối với các nhà đầu tư tìm kiếm hiệu quả về chi phí; trong khi đó, đối với các nhà đầu tư tìm kiếm hiệu quả chiến lược thì không phải đơn thuần cần ưu đãi về thuế. Đặc biệt, khi được trực tiếp quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội cần có các cơ chế và cách tổ chức thực hiện để khu công nghệ cao này sớm vận hành đúng như mục tiêu đặt ra, bởi dù được thành lập khá lâu (từ năm 1998) nhưng đến nay các thành tựu chưa thực sự đáng kể.

Thứ ba, kinh nghiệm từ các KCN khác cho thấy, để ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm giảm thiểu tác động tới môi trường, cần hình thành các cụm liên kết ngành/các ngành nghề có liên quan với nhau ở những mức độ nhất định. Những yêu cầu này không khó áp dụng, thực hiện đối với các KCN mới thành lập. Theo đó, cần quy hoạch từ khâu thu hút các nhà đầu tư vào các KCN, quy hoạch, liên kết các nhóm ngành nghề với nhau tạo thành một hệ sinh thái doanh nghiệp cộng sinh. Một giải pháp khác là, các KCN mới thành lập và/hoặc trong quy hoạch sẽ làm phụ trợ, vệ tinh để cộng sinh với các KCN đang hoạt động.

Thứ tư, giải quyết vấn đề nhà ở cho công nhân trong các KCN để họ yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài. Nhìn chung, các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng KCN không có quỹ đất để dùng làm đất ở. Để giải quyết vấn đề này, Hà Nội cần rà soát về nguồn cung nhà ở trên địa bàn và có định hướng điều chỉnh cơ cấu nguồn cung từ nhà ở thương mại, căn hộ cao cấp sang nhà ở xã hội, nhà ở dành cho người có thu nhập thấp để người lao động có thể dễ dàng tiếp cận hơn.

Thay lời kết

Phát triển KCN theo hướng hiệu quả, bền vững cần đáp ứng bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Kinh nghiệm trong nước cho thấy, để phát triển các KCN theo hướng hiệu quả, bền vững đòi hỏi có các cơ chế, chính sách và cách tổ chức thực hiện phù hợp; xác định mô hình phát triển KCN đúng đắn. Kinh nghiệm từ các KCN trong nước là các gợi ý hữu ích để Hà Nội tham khảo □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (2021), *Báo cáo tổng quan tình hình xây dựng và phát triển các khu công nghiệp Hà Nội*, Hà Nội.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (2015), *Khu kinh tế Dung Quất: Chặng đường 10 năm xây dựng và phát triển*, Báo cáo tổng kết.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Báo cáo tình hình thành lập và phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế năm 2020*.
4. Phương Chi (2021), “Bình Dương: Tiếp tục là điểm sáng của cả nước trong phát triển nhà ở cho công nhân lao động”, *Báo Bình Dương* ngày 16/11/2021, <https://www.binhduong.gov.vn/tin-tuc/2021/11/886-binh-duong-tiep-tuc-la-diem-sang-cua-ca-nuoc-trong-phat-trien-nha-o-cho-cong-nhan-lao-dong>, truy cập ngày 28/11/2021.
5. Hoàng Xuân Cơ (2021), “Kinh tế tuần hoàn nhìn từ khu công nghiệp Nam Cầu Kiền”, *Báo Kinh tế môi trường* ngày 24/07/2021, <https://kinhtemoitruong.vn/emagazine-kinh-te-tuan-hoan-hien-tuong-nam-cau-kien-sinh-thai-va-chua-sinh-thai-ky-4-57611.html>, truy cập ngày 02/12/2021.
6. Minh Hoàng (2021), *Hòa Phát đề xuất đầu tư hàng loạt dự án tại Khu kinh tế Dung Quất*, <https://zingnews.vn/hoa-phat-de-xuat-dau-tu-hang-loat-du-an-tai-khu-kinh-te-dung-quat-post1280061.html>, truy cập ngày 28/11/2021.
7. Vũ Thanh Hương (2010), *Phát triển các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ theo hướng bền vững*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
8. Trịnh Văn Thiện (2017), *Phát triển các khu công nghiệp theo hướng phát triển bền vững: trường hợp tỉnh Hải Dương*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Khoa học xã hội.
9. Nguyễn Thị Thục (2021), *Ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất công nghiệp: trường hợp khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh*, Báo cáo tổng hợp đề tài cơ sở năm 2021, Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng.
10. Nguyễn Thị Thu Thủy (2018), *Quản lý phát triển bền vững các khu công nghiệp tại thành phố Hải Phòng*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.
11. Tổng cục Thống kê (2021), *Niên giám thống kê năm 2020*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
12. UNCTAD (2019), *World Investment Report 2019: Special Economic Zones*, United Nations publication. SalesNo. E.19.II.D.12.

(tiếp theo trang 10)

14. UNCTAD (2019), *World Investment Report 2019: Special economic zones*, United Nations, p. 126-206.
15. Wang, Jin (2013), “The Economic Impact of Special Economic Zones: Evidence from Chinese Municipalities”, *Journal of Development Economics* 101(1): 133-147.
16. Zhang Yi (2018), “China’s Industrial Value-added Increased by 53 Times during the 40 Years of Reform and Open-up”, *Xinhua*, 5 September, http://www.xinhuanet.com/politics/2018-09/05c_1123380431.htm, truy cập ngày 06/9/2021.
17. Zheng, Y., and Aggarwal, A. (2020), “Special Economic Zones in China and India: A Comparative Analysis”, in: *The Oxford Handbook of Industrial Hubs and Economic Development*, Oxford University Press, pp. 607-622.